

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/DS-ST  
Ngày: 16/6/2020  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoa Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Khả và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXX-ST ngày 04/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-DS ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S. Địa chỉ: đường N, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Ủy quyền cho ông Cao Phi K, chức vụ Giám đốc chi nhánh Phú Yên theo giấy ủy quyền số 4023/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng Giám Đốc. Ông Cao Phi K ủy quyền cho bà Trương Thị Thu T, chức vụ Kiểm soát viên Quản lý tín dụng. Theo giấy ủy quyền số 60/2020/GUQ-CNPY ngày 13/3/2020 của Giám đốc chi nhánh tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: đường V, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà T có mặt.

*Bị đơn:* Ông Trương Nguyễn Như Q, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2019 và quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 25/3/2016, ông Trương Nguyễn Như Q có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ từ

ngày kích hoạt đến nay, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.500.000đ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 31/7/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 16/6/2020, ông Q còn nợ Ngân hàng gốc 6.540.532đ; nợ lãi quá hạn 8.710.476đ. Yêu cầu bị đơn ông Trương Nguyễn Như Q phải thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng và lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Bị đơn Trương Nguyễn Như Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/3/2016, ông Trương Nguyễn Như Q có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân, cam kết chịu trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng đã được cấp, bản sao điều khoản và điều kiện kèm theo khi thẻ của khách hàng được phát hành. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.500.000đ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/7/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/6/2020, ông Q còn nợ Ngân hàng gốc 6.540.532đ; nợ lãi 8.710.476đ. Do đó, buộc bị đơn ông Trương Nguyễn Như Q phải thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng và lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Trương Nguyễn Như Q phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 16/6/2020 là: 15.251.008đ (mười lăm triệu hai trăm năm mươi một ngàn không trăm lẻ tám đồng)

Kể từ ngày 17/6/2020, bị đơn ông Trương Nguyễn Như Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Về án phí:** Ông Trương Nguyễn Như Q phải chịu 763.000đ (bảy trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) án phí DS-ST.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 338.000đ (ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0001040 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Hoa Dung**